

UBND XÃ MINH CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN CÁT

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
NĂM HỌC 2025 - 2026

=====

Minh Châu, tháng 10 năm 2025

UBND XÃ MINH CHÂU
TRƯỜNG THCS DIỄN CÁT

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số / QĐ-THCSDC về công tác đảm bảo chất lượng của trường THCS Diễn Cát ngày tháng 9 năm 2025)

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN TỔ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Phan Xuân Duẩn	Hiệu Trưởng	Tổ trưởng	
2	Ông Nguyễn Thái Bình	Phó Hiệu trưởng	Tổ phó	
3	Bà Võ Thị Giang	Thư ký Hội đồng	Thư ký	
4	Bà Lê Thị Kim Thoa	Tổ trưởng tổ KHXH	Ủy viên	
5	Bà Đặng Thị Thoa	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên	
6	Bà Trần Thị Bích Ngọc	Tổ phó tổ KHTN	Ủy viên	
7	Bà Tạ Thị Tùng	Trưởng ban TTND	Ủy viên	
8	Bà Võ Thị Hiền	Ban Thanh Tra nhân dân	Ủy viên	
9	Bà Lã Thị Thu Hiền	Tổng phụ trách đội	Ủy viên	
10	Bà Phạm Thị Tuyết	Nhân viên Kế toán	Ủy viên	
11	Bà Lê Thị Hạnh	Nhân viên thiết bị	Ủy viên	
12	Bà Võ Thị Bích Thảo	Nhân viên Thư viện	Ủy viên	

Minh Châu - Năm 2025

KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

NĂM HỌC 2025 - 2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Mục đích

- Tăng cường hiệu quả hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và các hoạt động chỉ đạo của nhà trường.
- Đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, thực hiện thành công chương trình GDPT 2018.
- Xây dựng môi trường học tập đảm bảo thân thiện, an toàn, lành mạnh trong giảng dạy và học tập.
- Hình thành được văn hóa chất lượng trong nhà trường hướng đến chất lượng thực của học sinh, hướng đến sự thành đạt của người học.
- Chuẩn bị nền tảng kiến thức vững chắc, toàn diện, các giá trị sống, kỹ năng mềm và kỹ năng toàn cầu cho học sinh, có khả năng đáp ứng hiệu quả nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao; trở thành trung tâm cho quá trình đổi mới, sáng tạo, nâng cao vị thế và uy tín của nhà trường.

2. Yêu cầu

Xây dựng hệ thống ĐBCL giáo dục bên trong nhà trường phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- a) Các quy định pháp luật hiện hành, các văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định đảm bảo phù hợp với mục tiêu giáo dục của nhà trường.
- b) Thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn.
- c) Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của nhà trường và lấy người học làm trung tâm.
- d) Huy động sự tham gia của cán bộ quản lý các cấp, giáo viên, nhân viên, người học và cộng đồng địa phương.
- e) Tiếp cận theo chuẩn đầu ra của cấp học, bậc học theo Chương trình GDPT 2018, gắn kết với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây viết tắt là Thông tư 18).
- g) Phù hợp với thực tiễn của nhà trường, dễ thực hiện, thuận tiện trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến chất lượng. Bảo đảm tính trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời.

3. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ Trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;
- Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 02-NQ/ĐU.SGD&ĐT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Căn cứ Kế hoạch số 683/KH - UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng trong các cơ sở giáo dục phổ thông giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An
- Căn cứ Công văn số 2180/SGD&ĐT-KTKĐCLGD ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Sở GD&ĐT Nghệ An về việc Hướng dẫn thực hiện Kế hoạch đảm bảo chất lượng trong các cơ sở GDPT giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;
- Căn cứ công văn số 595/UBND-VHXXH ngày 13 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Minh Châu về việc hướng dẫn các trường TH và THCS trên địa bàn xã thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng năm học 2025 - 2026.

II. KẾ HOẠCH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

1. Đảm bảo các yếu tố bối cảnh:

1.1. Phối hợp chặt chẽ với lãnh đạo chính quyền các cấp để thông báo, tuyên truyền, phổ biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, phong tục tập quán, xu hướng phát triển nghề nghiệp của địa phương và trong cả nước nhằm giáo dục phẩm chất đạo đức, luyện rèn năng lực sống, học tập và làm việc cho học sinh, thông qua:

- Hoạt động giáo dục của địa phương: Tại trung tâm học tập cộng đồng
- Hoạt động trải nghiệm ở địa phương;
- Thực hiện lồng ghép ở các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Công nghệ, GD&ĐT
- Chào cờ, HĐTN-HN, sinh hoạt đầu;
- Các phương tiện truyền thông, thông tin: Hệ thống truyền thanh xã, các thôn xóm, mạng xã hội như Zalo, Facebook của các nhóm lớp, của nhà trường và các trang địa phương.

1.2. Xây dựng các nội quy, quy chế có tính dân chủ, tập thể cho học sinh, bao gồm:

- Quy chế thi đua nội bộ nhà trường năm học 2025 - 2026; (*Có nội quy riêng*)
- Quy chế phối hợp giữa:
 - + Các tổ chức chính trị - xã hội với Nhà trường; Ban đại diện Hội cha mẹ học sinh với Nhà trường (*Có quy chế riêng*) ;
 - + Quy chế phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương (*Có quy chế kèm theo*)
- Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở (*Quy chế riêng*)

1.3. Xây dựng văn hóa nhà trường, tạo nên một môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn góp phần xây dựng một môi trường giáo dục chuẩn mực theo quy định, bao gồm:

- Xây dựng Bộ nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường (*Có quy chế riêng*)
- Tổ chức xây dựng, tuyên dương và nhân rộng các tấm gương, mô hình tiên tiến; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy tắc ứng xử văn hóa của nhà trường để uốn nắn, định hướng quá trình xây dựng và phát triển mô hình văn hóa của nhà trường.
- Thường xuyên trao đổi tổng kết kinh nghiệm về xây dựng mô hình văn hóa nhà trường; hướng dẫn hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhà trường và giữa các trường với nhau để học tập những mô hình tốt, bổ sung hoàn thiện những tiêu chuẩn, tiêu chí một cách cụ thể, nhằm ngày càng hoàn thiện hơn mô hình văn hóa nhà trường.

1.4. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính minh bạch và dân chủ. Xây dựng kế hoạch phân bổ nguồn kinh phí hằng năm cho các hoạt động đảm bảo hợp lý, hiệu quả, thông qua Hội nghị viên chức-Người lao động đầu năm học.

1.5 Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội xây dựng chương trình công tác, chương trình phối hợp với địa phương nhằm chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp cho giáo viên, học sinh trong việc:

- Công Đoàn: Động viên, thăm hỏi, hỗ trợ các giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về các chính sách, pháp luật, giới tính, sức khỏe sinh sản, đuối nước, ATGT, các buổi nói chuyện truyền thông nhân ngày lễ như 22/12; 26/3, gắn các chủ đề chủ điểm hàng tháng trong học kỳ năng sống theo chủ điểm tháng.
- Tổ chức các hội thi về kiến thức, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao cho giáo viên và học sinh: Hội khỏe phù đồng cấp trường; Thi hội diễn văn nghệ nhân ngày 20/11; 22/12; 26/3

1.6. Tuyên truyền, vận động về chủ trương huy động nguồn lực, xã hội hóa giáo dục để tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nâng cao nhận thức của mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa tầm quan trọng của việc đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, xây dựng trường chuẩn quốc gia để nâng cao chất lượng giáo dục gồm:

- Thông qua các cuộc làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương: Đầu năm học mới; trong hội nghị VC-NLĐ đầu năm học. Xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể với chính quyền và các tổ chức đoàn thể cấp xã.

- Thông qua các phương tiện thông tin, truyền thông giữa nhà trường với phụ huynh, học sinh: Gồm các nhóm Zalo, Facebook của các nhóm lớp, của nhà trường và các trang địa phương...

- Thông qua các cuộc họp phụ huynh lớp, trường; vào đầu, giữa và cuối năm.

2. Xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục.

Quy trình xác định chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục nhà trường gồm 5 bước như sau:

Bước 1. Thành lập Tổ soạn thảo chuẩn đầu ra;

Bước 2. Xây dựng dự thảo chuẩn đầu ra;

Bước 3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan;

Bước 4. Hoàn thiện dự thảo chuẩn đầu ra;

Bước 5. Hoàn thiện, phê duyệt và công bố chuẩn đầu ra.

Sau khi hoàn thiện, chuẩn đầu ra được thông qua hội đồng sư phạm nhà trường, trình Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được công bố trên website của trường.

Chuẩn đầu ra nhằm khẳng định chất lượng, năng lực, phẩm chất của người học sau khi hoàn thành chương trình giáo dục mỗi cấp học, lớp học ở từng môn học và hoạt động giáo dục, trong đó mỗi cấp học, lớp học sau đều có những yêu cầu sau cao hơn, đồng thời bao gồm những yêu cầu đối với các cấp học, lớp học trước đó.

2.1. Chuẩn đầu ra năm học 2025 - 2026:

1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

- Cán bộ quản lý đạt chuẩn hệ đào tạo quản lý giáo dục theo chương trình của các cấp, có kỹ năng thành thạo về ứng dụng CNTT, tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới trong quản lý.

- 100% CB-GV-NV được đánh giá Khá - Giỏi về chuyên môn từ cấp trường trở lên, trong đó có 90% đạt giỏi cấp huyện và cấp tỉnh.

- 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác. Có trên 70% trở lên số tiết dạy sử dụng công nghệ thông tin, giáo án điện tử.

- 100% giáo viên đạt trình độ Đại học.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường đạt Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng ở mức Tốt.

- 100% nhân viên đạt chuẩn đào tạo Đại học; có kỹ năng sử dụng thành thạo máy móc, phương tiện CNTT đáp ứng ngày càng cao yêu cầu công tác, tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới trong công tác.

- Sáng kiến kinh nghiệm: 4 SKKN cấp cơ sở và có SKKN tham gia cấp Tỉnh.

- Ứng dụng CNTT, chuyển đổi số: 100% CBQL, GV, NV

- Xếp loại hồ sơ: Khá, tốt 100% .

- Kết quả BDTX: 100% khá, tốt.

- Kết quả giờ dạy của giáo viên được cấp trên kiểm tra: 20% giờ dạy Giỏi, 80% giờ dạy Khá; không có giờ dạy TB.

- Xếp loại Chuẩn nghề nghiệp: 100% giáo viên, CBQL đạt Loại Khá, tốt;

- XL viên chức: 95% HTNV trở lên trong đó Hoàn thành tốt nhiệm vụ 90% trở lên. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 20% số hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Danh hiệu thi đua: Danh hiệu LĐTT: 80% trở lên; CSTĐ: 04 đ/c trở lên; UBND cấp xã tặng giấy khen 01 đ/c trở lên; phần đấu có giấy khen, bằng khen của các cấp cao hơn.

2. Học sinh:

- Qui mô:

+ Phát triển lớp học: Ổn định 9 – 12 lớp (Năm học 2025 - 2026 là 11 lớp)

+ Học sinh năm học 2025 – 2026 là: 428 học sinh.

- Kế hoạch huy động: Hàng năm huy động 100% số học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học trên địa bàn vào lớp 6; Đảm bảo duy trì sĩ số từ 100% hàng năm.

- Về chất lượng học tập và rèn luyện học sinh trong năm học.:

+ Kết quả rèn luyện và học tập

Kết quả học tập: Loại Tốt: 17% trở lên; Loại Khá: 45% trở lên; chưa đạt dưới 2%, còn lại là loại Đạt. Sau khi thi lại 100% xếp loại Đạt trở lên.

Kết quả rèn luyện: 100% được đánh giá mức “Đạt” trở lên trong đó: Loại Tốt: trên 90%; Khá: 5-10%; Đạt: dưới 5%; Chưa đạt: 0%.

Học sinh xuất sắc: 2-5%; học sinh giỏi: 15-25%.

- KSCL 3 môn thi lớp 9: Vượt trên mặt bằng chung của xã.
- Tốt nghiệp THCS: 100% HS lớp 9 đủ điều kiện xét TN; Tỷ lệ đỗ TN: 100% (2 đợt).
- Tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 THPT công lập: trên 75% (tính số học sinh đầu trên số học sinh tốt nghiệp THCS) dự kiến 63/84 em. Xếp thứ 2 trở lên trong xã, Trong đó: Môn Toán: thứ 3 trở lên; Môn Văn: thứ 2 trở lên; Môn thi thứ 3: thứ 2 trở lên; xếp vị trí 90/400 trở lên so với toàn tỉnh.
- *Chất lượng các Kỳ thi, Hội thi và các sân chơi chuyên môn khác*
 - + HSG Khối 6,7,9 cấp trường, xã: Không tổ chức thi.
 - + HSG cấp trường Khối 8: 20/30 em gồm 10 môn/phân môn (2 em/môn, mỗi môn ít nhất 03 em dự thi);

Toán	KHTN			LS&ĐL		Anh	Văn	Tin	CD
	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
2/3	2/3	2/3	2/3	2/3	2/3	2/3	2/3	2/3	2/3

- Kết quả các Kỳ thi chọn đội tuyển cấp xã dự thi cấp Tỉnh: 5/5 em.

Toán	KHTN			LS&ĐL		Anh	Văn	Tin	CD
	Lý	Hóa	Sinh	Sử	Địa				
0/0	1/2	0/0	0/0	1/1	0/0	0/0	1/1	0/0	1/1

- + HSG văn hóa Cấp tỉnh: Phân đầu 1/5 em đầu Tỉnh.
- + Các cuộc thi về TĐTT: Có HS đạt giải cấp Tỉnh trở lên
- Các chỉ tiêu khác:
 - + Tham gia thi KHKT (nếu có HS đăng ký): 1 sản phẩm đạt giải KK trở lên.
 - + Tin học trẻ cho HS THCS (nếu tổ chức): 01 Học sinh tham gia cấp cơ sở;
 - + Sáng tạo TTNND cấp Tỉnh (nếu HS đăng ký): 1 sản phẩm đạt giải KK trở lên
- + Kết quả các Cuộc thi, Hội thi khác (Kể cả thi trực tuyến): Tham gia đầy đủ các cuộc thi do xã, tỉnh tổ chức.
- + Triển khai dạy học Tiếng Anh tăng cường, kỹ năng sống, CLB TĐTT, các nội dung buổi 2 khác, Trải nghiệm... khi có sự đồng thuận của phụ huynh và học sinh.

3. Cơ sở vật chất.

- Đủ phòng học, phòng làm việc, phòng phục vụ, các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn và trên chuẩn. Đủ các phòng chức năng theo thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT và thông tư 14/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/5/2020 để đảm bảo tốt CSVC cho dạy và học và triển khai CT GDPT 2018. Đáp ứng được yêu cầu giáo dục phổ thông mới 2018, phấn đấu đạt tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất theo yêu cầu của giai đoạn mới.

- Các phòng Tin học, phòng bộ môn được nâng cấp theo hướng ngày càng hiện đại. Mỗi lớp học có 1 màn hình Tivi lớn hoặc 1 máy chiếu đa năng lắp cố định. Hệ thống thư viện được đầu tư chuẩn hóa, thư viện xanh hoạt động có hiệu quả với nhiều đầu sách.

- Cải tạo khuôn viên nhà trường đảm bảo môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp - An Toàn”, giữ vững kết quả xây dựng trường học an toàn, trường học hạnh phúc.

- Cải tạo sân tập thể dục đáp ứng yêu cầu giáo dục thể chất cho học sinh.

4. Chỉ tiêu thi đua tập thể

- Nhà trường: Giữ vững danh hiệu tập thể Tiên tiến, danh hiệu cơ quan văn hoá cấp huyện, đánh giá xếp loại hàng năm đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Chi bộ: Đạt tổ chức đảng hoàn thành nhiệm vụ trở lên hàng năm.

- Các tổ chức: Liên đội Xếp loại hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc hàng năm.

+ Tổ LĐTT: 01 tổ; Tổ LĐ XS: 01 tổ.

2.2. Thiết kế chương trình giáo dục.

a) Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, Tổ ĐBCL thiết kế các nội dung:

- Khung kế hoạch thời gian triển khai các môn học;

- Hoạt động giáo dục bắt buộc;

- Nội dung giáo dục của địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục đã thiết lập được;

- Chương trình tăng cường đáp ứng nhu cầu học sinh, phụ huynh;

- Hội giảng trong nhà trường.

- Học kỳ I: Từ ngày 5/9/2025 -> 18/01/2026

- Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 -> 31/5/2026

Về khung chương trình các môn học và HĐGD:

Nội dung giáo dục		Số tiết của môn/HĐ											
		Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9		
		HKI	HK II	Cả năm	HKI	HKI I	Cả năm	HKI	HK II	Cả năm	HK I	HK II	Cả năm
Môn học bắt buộc													
Ngữ văn		72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
Toán		72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
Tiếng Anh		54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
GDCD		18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Lịch sử- Địa lý	Lịch sử	27	26	53	27	26	53	27	26	53	27	26	53
	Địa lý	27	25	52	27	25	52	27	25	52	27	25	52
KHTN		72	68	140	72	68	140	72	68	140	72	68	140
Tin học		18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Công nghệ		18	17	35	18	17	35	27	25	52	27	25	52
GDTC		36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70
Nghệ thuật	Âm nhạc	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
	Mỹ thuật	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
HDGD/ND bắt buộc													
HĐ trải nghiệm-HN		54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105
NDGD địa phương		18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35
Tổng số tiết		522	493	1015	522	493	1015	531	501	1032	531	501	1032
Số tiết/tuần (cả năm học)		29			29			29.5			29.5		

b. Xây dựng kế hoạch giáo dục các môn học và các hoạt động giáo dục

- Về khung chương trình các môn học và HĐGD: Toàn cấp thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018:

Xây dựng kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục (HĐGD) phù hợp với đội ngũ giáo viên (GV), cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (CSV, TBDH) của nhà trường; Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; TT số 13/2022/TT-BGD&ĐT ngày 03/08/2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong CT GDPT ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT BGD&ĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; Công văn số 2388/SGD&ĐT - GDTrH ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2025-2026; Căn cứ công văn số 2256/SGD&ĐT - GDTrH ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục trung học năm học 2025-2026.

KHGD của nhà trường thể hiện việc huy động đầy đủ nguồn lực, CSV, TBDH hiện có của nhà trường trong KHGD của các môn học, HĐGD. Việc xây dựng phân phối chương trình các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế để phát huy hiệu quả năng lực đội ngũ GV của nhà trường; Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học các môn học Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Thông tư 17/2025/TT-BGDĐT sửa đổi Chương trình giáo dục phổ thông ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

- Hoạt động giáo dục bắt buộc;

- Nội dung giáo dục của địa phương, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục đã thiết lập được;

c) Tổ chuyên môn lập kế hoạch giáo dục theo năm học, bao gồm:

- Khung thời gian triển khai môn học;

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh;

- Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên, dự giờ và phân tích tính sư phạm của bài học;

- Kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp (có thể sắp thứ tự); đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên;

- Xây dựng các ngân hàng câu hỏi, bài tập cho môn học;

- Hoạt động giáo dục theo hướng phát triển năng lực thông qua tổ chức kiểm tra, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

- Tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn và phát triển chương trình, phương pháp dạy học, giáo dục; đặc biệt cần lấy nghiên cứu bài học là hoạt động thường xuyên để phát triển nghề nghiệp.

d) Giáo viên lập kế hoạch giáo dục, bao gồm:

- Bài dạy (giáo án), theo dõi và đánh giá kết quả học sinh, chủ nhiệm lớp

- Xây dựng, biên soạn các tài liệu hướng dẫn dạy học, giáo dục các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động giáo dục tự chọn dựa trên nhu cầu, đặc điểm địa phương để sử dụng chung trong trường.

2.3. Lập kế hoạch tuyển sinh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

a) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp với điều kiện nhà trường, bao gồm:

- Xây dựng quy chế tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch; đảm bảo dân chủ, công bằng trong tuyển sinh; tuyển đúng yêu cầu, tiêu chuẩn, đủ số lượng, có cơ chế thu hút học sinh giỏi.

- Tuyên truyền tuyển sinh bằng nhiều hình thức phù hợp ở địa phương, tỉnh, cả nước nhằm thu hút các học sinh khá giỏi, tạo môi trường giáo dục phát triển.

b) Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đáp ứng tối thiểu mức 2, tiêu chuẩn 2 trong Thông tư 18 về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, bao gồm:

- Học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng hoạt động thực tiễn;

- Nâng chuẩn hiệu trưởng cho cán bộ quản lý và chuẩn nghề nghiệp giáo viên;

- Nâng cao tỉ lệ giáo viên giỏi các cấp, cán bộ quản lý cốt cán, giáo viên cốt cán.

- Tham mưu tuyển dụng giáo viên đảm bảo cơ cấu, độ tuổi, có sự kế cận và chuẩn về trình độ; thu hút giáo viên giỏi;

- Tăng thu nhập và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho giáo viên. Có chính sách khuyến khích những giáo viên tâm huyết với nghề, năng lực chuyên môn tốt.

2.4. Lập kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học.

Tổ ĐBCL rà soát cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học hiện có của nhà trường, đồng thời huy động các nguồn lực, xã hội hóa giáo dục, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ xây dựng, sửa chữa, cải tạo các hạng mục công **trình cơ sở vật chất**, tăng cường trang thiết bị đầy nhanh tốc độ xây dựng trường phát triển theo hướng hiện đại: **Đầu tư Phòng bộ môn, thư viện, mua bổ sung bàn ghế đạt chuẩn cho HS, quản lý, sử dụng hiệu quả trang thiết bị dạy học, đáp ứng việc dạy học nâng cao.**

3. Đảm bảo các yếu tố đầu vào.

3.1. Phân tích yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường.

a) Phân tích các yếu tố bên trong, bao gồm:

Môi trường bên trong	Điểm mạnh	Điểm yếu	Định hướng hoạt động giáo dục của nhà trường
1.Đội ngũ giáo viên và CBQL, nhân viên của nhà trường.	- Truyền thống nhà trường: Trường có bề dày truyền thống; tiền thân là trường THCS Diên Cát, năm 2008 nhập trường THCS Diên Cát và THCS Diên Bình thành trường THCS Cát Bình; đến tháng 9 năm 2020 đổi thành trường THCS Diên Cát sau khi sáp nhập xã mới Minh Châu. Tỷ lệ học sinh giỏi các cấp, và thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT khá cao. Trường đã KĐCL và công nhận lại Chuẩn quốc gia năm 2021, là địa chỉ tin cậy của học sinh và phụ huynh, trong xã và các vùng lân cận.	- Đội ngũ giáo viên: Trình độ chuyên môn chưa đồng đều. - Đội ngũ giáo viên nhà trường thừa nhiều so với nhu cầu nên lực lượng GV hàng năm đi biệt phái, biến động, có nhiều thay đổi, không ổn định phân công chuyên môn để có tính kế thừa nhất là các GV dạy Văn, Toán. Công tác phân công GVCN lớp không ổn định.	- Có tầm bao quát - Tiên phong, gương mẫu trong mọi HĐGD, dạy học - Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho CBGV, NV về ý thức tự học tự bồi dưỡng.

	- CBQL: Trình độ chuẩn 100% (đạt GVDG huyện, GVDG tỉnh, CSTĐ cấp huyện, tỉnh). - Trình độ chính trị: Trung cấp, có kinh nghiệm QLGD, tâm huyết		
2.Học sinh	- Tổng số học sinh 428 em/ 11 lớp, học sinh nhà trường có truyền thống chăm ngoan, hiếu học, tích cực trong các hoạt động của nhà trường. Đa số học sinh có năng lực, phẩm chất tốt.	- Năng lực tiếp thu không đồng đều. Hoàn cảnh gia đình của một số em còn khó khăn, Phụ huynh đi làm ăn xa, thiếu sự quan tâm đến việc học của con cái. Một số ít học sinh còn ham chơi, nghiện game hay trốn giờ, bỏ tiết.	- Triển khai tốt các hoạt động giáo dục, tăng cường kỹ năng sống. Xây dựng mối quan hệ nhà trường và phụ huynh. Có phương pháp giáo dục phù hợp để hạn chế học sinh bỏ học. GVCN các lớp xây dựng mối quan hệ hai chiều.
3.Tài chính CSVC trang TB của nhà trường	Nguồn lực: Cơ sở vật chất nhà trường đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho hoạt động dạy học (bàn ghế, máy tính, máy chiếu, phòng học bộ môn, sân chơi bãi tập đảm bảo học chính khóa và ngoại khóa...). Cảnh quan nhà trường rộng và xanh sạch đẹp. Ngân sách cơ bản đáp ứng được công tác dạy học nhà trường.	Các phòng học bộ môn đã cải tạo lại chưa đạt chuẩn về diện tích theo quy định, thiếu nhà đa chức năng. Công trình vệ sinh đã xây dựng lâu đã có phần xuống cấp. TBDH chưa đủ theo thông tư 38 của Bộ giáo dục, ngân sách cho bổ sung thiết bị dạy học hàng năm ít.	- Đầu tư cho các hoạt động chuyên môn nâng cao chất lượng đại trà, mũi nhọn - Tham mưu cho Cấp uỷ chính quyền đầu tư xây CSVC để tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động dạy và học. - Mua sắm bổ sung thiết bị dạy

			học, nhất là thiết bị dạy học đáp ứng triển khai chương trình GDPT 2018.
4. Truyền thống của nhà trường	- CBQL GV tâm huyết cống hiến, sáng tạo trong dạy học - HS chăm ngoan và đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi cấp huyện, tỉnh.	Chất lượng mũi nhọn không đồng đều, chất lượng học sinh giỏi tỉnh (các môn văn hóa 9) chưa đạt kế hoạch đề ra theo năm học.	Xây dựng thương hiệu nhà trường thành 1 trong những trường nằm trong top đầu bậc THCS huyện, chú ý đến chất lượng đầu ra tuyển sinh lớp 10.
5. Những điểm mạnh và điểm yếu của hoạt động dạy học trong nhà trường	- Luôn đổi mới trong công tác Sinh hoạt chuyên môn: nhà trường, tổ/nhóm; tăng cường giao lưu, học tập. Có 03 giáo viên DG cấp tỉnh, 03 GV trong chuyên môn cốt cán tỉnh. - Tích cực đổi mới HTTCDH, PPDH, ứng dụng CNTT - Dạy BDHSG tăng số buổi so với quy định. Chú trọng các môn, nội dung có thế mạnh của nhà trường,	- Chất lượng GV, HS chưa đồng đều nên trong tổ chức đổi mới HTDH, PPDH ở một vài lớp chưa đạt hiệu quả như mong muốn. - Chất lượng tuyển sinh đầu vào chưa cao nên ảnh hưởng đến HSG các cấp, vào lớp 10 THPT công lập.	- Tiếp tục bồi dưỡng đội ngũ GV để phân đầu đến năm 2026 có thêm 1 GV đạt GVCNG cấp tỉnh; 100% GV đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng HSG cấp tỉnh K9, thực hiện tốt CTGDPT 2018 toàn cấp. - Xây dựng chiến lược NT, KHNT phù hợp

Cụ thể: Tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026:

1) Đội ngũ CBGVNV:

Năm học 2025 - 2026 (Tại thời điểm tháng 09/2025)

Tổng số CB, GV, NV hưởng lương tại trường là 32 người (QL 02, GV 27, NV 03), trình độ chuyên môn: Đại học: 32/32, tỷ lệ 100%.

Trong đó: Số CBQL, GV, NV đang công tác giảng dạy tại nhà trường là 26 người(QL 02, GV 21, NV 03). Số giáo viên đang điều động biệt phái dạy THCS là 06 người (trong đó có 02 GV dạy hai trường)

2) Về học sinh:

Năm học 2025 – 2026 (tại thời điểm tháng 9/2025), trường THCS Diên Cát có 11 lớp với 428 học sinh, tăng 01 lớp và tăng 45 HS so với năm học trước (K6: 03 lớp; K7: 03 lớp; K8: 03 lớp; K9: 02 lớp), bình quân học sinh trên lớp 38.9 học sinh/lớp.

3) *Về cơ sở vật chất:* Hiện tại trường có 11 phòng học cao tầng, 7 phòng chức năng. Có đầy đủ các phòng làm việc của BGH, Hội đồng GV và các tổ chức khác. Đầy đủ các công trình phụ trợ khác, đảm bảo cho việc dạy học nhà trường.

Diện tích trường là 11045,1m², Diện tích / học sinh là 25.8 m²/ học sinh.

Toàn trường	Tổng số	Trong đó				Ghi chú
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	
Số lớp	11	3	3	3	2	
Số học sinh	428	118	105	121	84	
Tỷ lệ bình quân HS/lớp	38,9	39.3	35	40.3	42	
<i>Trong đó:</i>						
- Nữ	207	60	43	60	44	
- Khuyết tật	0	0	0	0	0	
- Chính sách	0	0	0	0	0	
- Hộ nghèo	1	0	0	1	0	
- Cận nghèo	3	0	0	0	3	
- Mô côi						
- Lưu ban	0	0	0	0	0	
- Mới tuyển	118	118				

*** Chất lượng:** Theo đánh giá cuối năm học 2024 – 2025

Về kết quả giảng dạy của giáo viên:

* Đánh giá xếp loại giáo viên chuẩn nghề nghiệp: Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được trường phòng đánh giá loại Tốt; Hiệu trưởng đánh giá 27 GV tự đánh giá đạt mức Tốt. Đánh giá: Đạt

* Kết quả xếp loại viên chức (CB, GV, NV): Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 6 đ/c (5GV và 1 NV), Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 26 đ/c (02 CBQL, 22 GV và 2 NV).

* Kết quả viết SKKN: Có 05 SKKN (với 5 tác giả) được đánh giá đạt cấp cơ sở (đ/c Duẩn, đ/c Bình V.Giang, Đ.Lê, Đ.Thoa), Có 01 SKKN cấp tỉnh (V.Giang).

* Danh hiệu thi đua – Khen thưởng:

- Đạt danh hiệu LĐTT: 32/32 người.

- Chiến sĩ thi đua cơ sở: 09 đ/c (Phan Xuân Duẩn, Nguyễn Thái Bình, Võ Thị Giang, Đặng Thị Thoa, Nguyễn Thị Nhạn, Nguyễn Thị Quyển, Đào Thị Thanh Lê, Lê Thị Hạnh, Lê Thị Thu)

- Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh: 02 đ/c (Võ Thị Giang, Nguyễn Văn Quân)

- Giấy khen của chủ tịch UBND huyện: 02 đ/c (Hoàng Thị Oanh, Lã Thị Thu Hiền)

- 01 đ/c đoàn viên được Liên đoàn lao động Huyện tặng giấy khen (đ/c Nguyễn Thị Kỳ); 01 đ/c đoàn viên tặng giấy khen giỏi việc trường đảm việc nhà (đ/c Cao Thị Thu Hà)

Về kết quả học tập của học sinh:

+ Kết quả học tập: Tốt: 101em (26,37%); Khá: 178 em (46,48%), Đạt: 104 em (27,15%), Chưa đạt: 0. Đánh giá: Vượt chỉ tiêu đề ra.

+ Kết quả rèn luyện: Tốt: 369 em (96.34 %); Khá: 14(3.66%). Đánh giá: Vượt chỉ tiêu đề ra.

- Kết quả xét tốt nghiệp THCS 2024 - 2025: 73/73 em đạt tỉ lệ 100%;

- Kết quả tham gia các cuộc thi:

- **Về Học sinh giỏi:** 37 HSG cấp trường; 32 HSG huyện; 11 lượt em đậu cấp Quốc gia (thi hè năm 2024), trong đó:

+ HSG cấp trường: 37 em giỏi văn hóa em lớp 8,9. Đánh giá: Vượt chỉ tiêu đề ra.

+ Thi HSG cấp huyện các môn văn hóa lớp 9 đạt: 10/17 em, xếp thứ 24/29 trường trong Huyện.

+ HSG huyện 8 (15/20) xếp thứ 13/29 trường trong Huyện.

+ Kết quả HKPD cấp QG (thi hè năm 2024): 11 em với 7 giải nhất, 4 giải nhì

+ Giao lưu Câu lạc bộ Văn – Toán huyện cấp THCS có 6/6 em đạt giải (100%) với 1 giải nhì, 3 giải ba và 2 giải KK.

***Tồn tại:** Trong năm học 2024 – 2025, kết quả HSG về văn hóa chưa cao (đối với khối 9), một số môn, phân môn còn mất trắng như Toán, Tin, Hóa (Lớp 9), Sinh học (Lớp 8)

* Kết quả tốt nghiệp THCS và thi vào lớp 10 THPT:

TT	Lớp	Môn Văn	Môn Anh	Môn Toán	Tổng chung
1	Toàn trường	8.18	5.08	6.08	19.34
	Xếp thứ	2/29	10/29	10/29	4/29
2	Cam kết chất lượng với Phòng GD	7.73	4.84	6.05	18.62

+ Toàn trường: Theo số đăng ký dự thi có $51/52 = 98,08\%$ (năm trước $69/80 = 86,25\%$ tăng $11,83\%$), trong đó 9A: $34/35$ dự thi = $97,14\%$; 9B: $17/17$ dự thi = 100% và 2 em tuyển thẳng. Theo số học sinh tốt nghiệp THCS có $53/73 = 72,60\%$ đậu lớp 10 THPT (kể cả 2 em tuyển thẳng).

Kết quả tập thể nhà trường:

- Tổ: Lao động tiên tiến xuất sắc Tổ Khoa học xã hội, Lao động tiên tiến Tổ Khoa học tự nhiên,

- Tập thể lớp: 03 Tập thể lớp tiên tiến xuất sắc (8A, 6A, 7A), 04 Lớp Tiên tiến (9A, 7B, 8B, 6B, 6C).

- Xã Diễn Cát đạt tiêu chuẩn PCGD THCS mức độ 3 vững chắc.

- Tổ chức công đoàn: Xếp loại HTTNV.

- Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh: Liên đội xuất sắc.

- Nhà trường:

+ Xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

+ Thi đua: Tập thể Lao động Tiên tiến

+ Giấy khen của CT UBND huyện về Tập thể có thành tích Xuất sắc trong năm học 2024-2025

+ Giấy khen BCH Hội Khuyến học Diễn Châu về trường có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện các mô hình học tập trên địa bàn huyện Diễn Châu, giai đoạn 2020-2025.

Công tác Tài chính, CSVC nhà trường.

* Ưu điểm.

- Xây dựng kế hoạch tài chính theo đúng quy định tài chính và các văn bản của cấp trên về công tác thu chi trong nhà trường. Quyết toán tài chính hàng năm với phòng tài chính đầy đủ kịp thời. Cuối năm học ban thanh tra nhân dân kiểm tra giám sát kiểm kê tài chính nhà trường.

- Thu chi theo đúng quy định các văn bản hướng dẫn. Nhà trường công khai tài chính theo [thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân](#).

- Trang bị đủ sách giáo khoa, sách giáo viên, sách tham khảo cho giáo viên và học sinh, các thiết bị hiện có đủ sử dụng cho dạy và học. Tập trung đầu tư xây dựng thư viện, mua sắm thiết bị dạy học, sửa chữa bàn ghế, trả nợ tiền bảng thông minh, nâng cấp hệ thống điện, quạt mát, hệ thống chiếu sáng, sửa chữa máy vi tính. Đặc biệt trong năm được sự quan tâm của phụ huynh học sinh đã trang bị cho 3 lớp học 3 Tivi màn hình lớn (55 inch) phục vụ tốt cho công tác dạy và học của nhà trường.

- Hiện tại trường có 11 phòng học cao tầng, 8 phòng chức năng. Có đầy đủ các phòng làm việc của BGH, Hội đồng GV và các tổ chức khác. Đầy đủ các công trình phụ trợ khác, đảm bảo cho việc dạy học nhà trường. Diện tích trường là 11045,1m², Diện tích / học sinh là 25.8m²/ học sinh.

* Hạn chế:

- Công tác bảo quản sử dụng tài sản của nhà trường còn nhiều hạn chế bất cập đặc biệt là việc kiểm kê thanh lý tài sản đã hư hỏng, tài sản quá thời gian khấu hao không còn sử dụng được hàng năm.

- Phòng máy vi tính, hệ thống điện, quạt, bóng điện bị hư hỏng nhiều.

- Thiết bị dạy học còn thiếu và hư hỏng nhiều mà chưa được bổ sung kịp thời.

b) Phân tích các yếu tố bên ngoài, bao gồm:

Bối cảnh bên ngoài nhà trường	Cơ hội	Thách thức	Định hướng hoạt động giáo dục của nhà trường
1.Trình độ dân trí và điều kiện GD của địa phương và phụ huynh HS	Trình độ dân trí cao, điều kiện của phụ huynh có sự đầu tư cho GD	CTGDPT 2018 đã thực toàn cấp song nhiều phụ huynh chưa nắm được bản chất của đổi mới, CSVC chưa đầy đủ theo chương trình GDPT 2018	Nhà trường cần làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chương trình GDPT 2018 đến tất cả GV, HS, PH.
2.Cơ chế chính sách pháp luật	- Đảng và Nhà nước đã có những	- Cơ chế chính sách đã có thay	- Linh hoạt trong kêu gọi, thu hút các

của Quốc gia và địa phương về GD	chủ trương, chính sách cho GD - Địa phương cũng có những cơ chế để đầu tư cho GD - Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị	đổi song còn chậm và thiếu đồng bộ so với yêu cầu thực tế. Địa phương kinh tế nhiều gia đình khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo còn nhiều.	nguồn lực để xây dựng CSVC và mua sắm TBDH - Làm tốt công tác tham mưu với địa phương trong đầu tư CSVC cho nhà trường. - Làm tốt công tác vận động tài trợ.
3.Sự phát triển kinh tế của địa phương và quốc gia	Sự phát triển KT của đất nước, tỉnh nhà đã có sự tăng trưởng và làm thay đổi diện mạo quê hương, kinh tế địa phương có nhiều khởi sắc.	Địa phương chủ yếu thu nhập người dân từ nông nghiệp, kinh doanh nhỏ lẻ nên chưa đầu tư nhiều cho giáo dục và điều kiện học của con em.	Làm tốt công tác phân luồng, hướng nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực cho tỉnh nhà và đất nước
4.Yếu tố văn hóa xã hội của địa phương	Là miền quê có truyền thống hiếu học, tạo ra những dòng họ hiếu học, các dòng họ luôn quan tâm đến khuyến học, khuyến tài. Sự phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội đã nâng cao hiệu quả giáo dục và thúc đẩy khả năng hợp tác, cải thiện mạnh mẽ văn hóa ứng xử, giao tiếp trong nhà trường.	Sự xâm lấn của các luồng văn hóa ngoại cũng ảnh hưởng đến tâm lý và thẩm mỹ của HS. - Mạng xã hội ảnh hưởng đến tâm sinh lý học sinh, nhiều em chưa ý thức tốt trong việc dùng mạng xã hội. Chưa biết khai thác CNTT trong học tập.	Phát huy truyền thống văn hóa của địa phương. Quản lý học sinh rất cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường - gia đình - xã hội. Mỗi quan hệ này phải thực sự gắn bó nếu không rất khó quản lý giờ giấc học tập của các em. Tuyên truyền sâu rộng trong phụ huynh học sinh về khai thác mạng internet, mạng xã hội trong học tập.
5.Yếu tố CNTT và quốc tế hóa	Kết nối rộng rãi khai thác, sử dụng,	Sự phát triển CN 4.0 là thách thức	Định hướng trong GD và quản lý

trong GD.	tích lũy, giao lưu, chia sẻ phục vụ cho quản lý, dạy học hứng thú, hiệu quả hơn	cho các bậc phụ huynh, nhà trường trong quản lý, định hướng tư tưởng, thẩm mỹ cho HS. Sự phát triển của công nghệ thông tin và mặt trái của nó ảnh hưởng không nhỏ đến một bộ phận học sinh làm ảnh hưởng nặng nề đến chất lượng học tập, rèn luyện và sức khỏe của học sinh.	CNTT đối với quá trình khai thác, sử dụng của GV, HS
-----------	---	---	--

3.2. Xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi và mục tiêu của chương trình giáo dục nhà trường.

Căn cứ vào kết quả phân tích yếu tố bên trong và bên ngoài nhà trường, Tổ DBCL xác định:

a) Tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi, triết lý của nhà trường;

*** Tầm nhìn:**

Đến năm 2025 trường THCS Diễn Cát sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng nằm trong top giữa của ngành giáo dục huyện Diên Châu về học sinh giỏi các cấp và top đầu về học sinh đậu vào lớp 10 THPT công lập, CSVC trang thiết bị đầy đủ hiện đại; Cảnh quan trường lớp khang trang sạch đẹp đáp ứng cơ bản về chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; môi trường giáo dục an toàn; giáo viên và học sinh luôn có khát vọng phát triển và không ngừng hoàn thiện về trí tuệ và nhân cách. Là nơi các bậc phụ huynh tin tưởng gửi gắm con em vào học tập, rèn luyện để trở thành công dân tốt của nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

*** Sứ mệnh:**

"Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân". Làm cho mọi học sinh đều thấy rằng: *"Mỗi ngày đến trường là một ngày vui"*. Xây dựng văn hóa giáo dục hiện đại mang đậm bản sắc dân tộc.

*** Các giá trị cốt lõi:**

- Biết vượt khó trong học tập;

- Có tính kiên trì, cần cù, năng động và sáng tạo;
- Có lối sống lành mạnh, biết ứng xử tốt trong mọi tình huống;
- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng;
- Khoẻ mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ.

*** Triết lý của nhà trường**

Xây dựng trường THCS Diễn Cát “Thân thiện - Chất lượng - An toàn – Hợp tác - Sáng tạo - Phát triển. Tất cả vì học sinh thân yêu”

*** Phương châm hành động :**

“Chất lượng giáo dục là uy tín, danh dự của nhà trường”.

"Môi trường giáo dục là cốt lõi củng cố vị thế nhà trường".

b) Mục tiêu:

* *Mục tiêu tổng quát:* Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng giáo dục cao, phù hợp với mô hình giáo dục hiện đại và xu thế phát triển của địa phương, của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng đội ngũ CB – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục và phát triển theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu cơ bản chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

** Các mục tiêu cụ thể:*

- *Mục tiêu ngắn hạn:* Duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia, khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn của huyện.

- *Mục tiêu trung hạn:* Năm học 2025-2026 đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất đáp ứng được cơ bản việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 6;7;8,9

- *Mục tiêu dài hạn:* Đến năm 2026 phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định.

+ Nâng cao chất lượng trường Chuẩn quốc gia, trường học thân thiện, học sinh tích cực. Cơ sở vật chất được đầu tư đảm bảo tốt cho dạy học theo chương trình GDPT 2018 và theo chuẩn của Thông tư 13 và 14 của Bộ Giáo dục.

+ Hoàn thành kế hoạch triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 tất cả các khối lớp từ 6 đến 9

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định trong top những trường có chất lượng tốt của huyện Diễn Châu. Đạt tập thể lao động Tiên tiến các năm học.

+ Duy trì đạt trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021 - 2026 và những năm sau.

4. Đảm bảo chất lượng quá trình dạy học và giáo dục

4.1. Kế hoạch đảm bảo chất lượng dạy học của giáo viên.

a) Giáo viên xây dựng và thực hiện chương trình môn học, lập kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch giảng dạy, bao gồm các nội dung sau:

- Thực hiện tốt mục tiêu, nội dung chương trình và kế hoạch dạy học;
- Chuẩn bị bài soạn đầy đủ, chuẩn bị lên lớp ĐBCL, đúng quy định về giảng dạy và giáo dục học sinh;
- Thực hiện nghiêm túc việc lên lớp;
- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng khám phá, thực hành, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, dạy học “lấy học sinh làm trung tâm”.
- Tổ chức dự giờ và phân tích tính sư phạm của bài học;
- Tổ chức kiểm tra – đánh giá kết quả việc học tập của học sinh;
- Quản lý tốt hồ sơ chuyên môn;
- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên.

b) Giáo viên thiết kế bài giảng bao gồm các nội dung:

- Lấy mục tiêu bài học làm cơ sở để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau mỗi tiết học;
- Chuẩn bị tốt đồ dùng dạy học, phương pháp, hình thức, kỹ thuật dạy học;
- Chú trọng thiết kế các hoạt động dạy học bởi các hoạt động trải nghiệm, thực hành, kết nối, khám phá, vận dụng nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh.

c) Giáo viên tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bài giảng trên lớp, bao gồm:

- Việc đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo theo yêu cầu đề ra;
- Đảm bảo mục tiêu dạy học đề ra;
- Tính phù hợp của hình thức và phương pháp dạy học với nội dung, đối tượng học sinh;
- Người hướng dẫn, tổ chức điều khiển hoạt động học của học sinh;
- Sử dụng hiệu quả các đồ dùng, thiết bị, phương tiện dạy học cho hoạt động dạy học;
- Chu trình nghiên cứu tiết học đi từ hiện trạng học sinh từng hoạt động của tiết học;
- Đánh giá được nguyên nhân chính của những khó khăn trong hoạt động dạy học;
- Những giải pháp chủ yếu cần thực hiện để giúp học sinh tích cực tham gia học tập.

d) Thống nhất việc soạn bài của giáo viên với tổ chức dạy học trên lớp đúng quy định, theo quan điểm định hướng đổi mới giáo dục hiện nay của Bộ GDĐT.

e) Tăng cường quản lý hoạt động của tổ chuyên môn và chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng chuyên môn mà mình được phân công phụ trách.

g) Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm đổi mới phương pháp dạy học và ngược lại.

4.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng hoạt động học tập của học sinh

a) Giáo viên thực hiện tốt quản lý hoạt động học tập của học sinh, bao gồm:

- Quản lý động cơ, thái độ học tập;
- Quản lý phương pháp học tập ở trường cũng như ở nhà;
- Hình thành cho học sinh phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng tự học, bồi dưỡng thói quen, ý chí tự học thông qua việc tổ chức giờ học và hướng dẫn của giáo viên;

- Xây dựng nền nếp, thái độ học tập.

b) Giáo viên thực hiện tốt quản lý thời gian học tập của học sinh, bao gồm:

- Thời gian dạy – học: tiết học, bài học, chủ đề, giữa kì, học kì, môn học, ... thời khóa biểu;

- Tổ chức hoạt động học tập, vui chơi giải trí phù hợp.

c) Giáo viên đánh giá, phân tích kết quả học tập đảm bảo sát thực, đúng chất lượng học tập của từng học sinh.

d) Giáo viên nghiên cứu những phương án dự phòng để giải quyết thỏa đáng nhiệm vụ học tập của từng đối tượng học sinh theo thời gian của tiết học, đồng thời quán triệt quan điểm dạy học theo đối tượng.

4.3. Kế hoạch đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

a) Giáo viên thực hiện đổi mới công tác kiểm tra kết quả học tập của học sinh, bao gồm:

- Quản lý đánh giá thể hiện qua xếp loại, duy trì và phát triển chuẩn chất lượng;

- Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy học;

- Giáo dục và phát triển người học (lấy động viên làm phát triển động cơ học tập, khuyến khích tự học,...).

b) Công tác kiểm tra đánh giá thường xuyên được đổi mới một cách cơ bản, đảm bảo tính khách quan, khoa học, tính quá trình và phù hợp chuẩn.

c) Thực hiện đánh giá quá trình, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh thường xuyên, liên tục, diễn ra trong tiết học, trong từng hoạt động của tiết học để nhằm theo dõi việc nắm bắt kiến thức của học sinh so với yêu cầu đặt ra; đánh giá thông qua các sản phẩm học tập, các hoạt động vận dụng kiến thức của học sinh,....

5. Đảm bảo yếu tố đầu ra

5.1. Lãnh đạo, Tổ ĐBCL, Tổ chuyên môn nhà trường thường xuyên đánh giá và có thể sắp thứ tự giáo viên theo từng năm học, bao gồm:

a) Chỉ đạo đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp;

b) Đánh giá chất lượng giờ dạy của giáo viên thông qua kết quả đánh giá giờ dạy;

c) Tổ chức thao giảng trong nhà trường để đánh giá kết quả thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, đánh giá chuyên môn của giáo viên;

d) Kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất việc thực hiện quy chế chuyên môn, kiểm tra toàn diện hồ sơ sổ sách của giáo viên;

e) Đánh giá tiết học trên lớp (theo phiếu đánh giá tiết học – Phiếu dự giờ), qua các lĩnh vực: Kiến thức, kỹ năng sư phạm, thái độ sư phạm, hiệu quả tiết học).

g) Chú trọng đánh giá năng lực của giáo viên thông qua kết quả học tập tiến bộ của học sinh so với kì trước, năm học trước.

5.2. Tổ đảm bảo chất lượng đánh giá kết quả học tập của học sinh toàn trường theo từng kì và đối sánh với kết quả kì trước đảm bảo thực chất, chính xác đảm bảo đúng theo quy định của Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về kiểm tra đánh giá HS THCS áp dụng đối với lớp 6;7;8;9

a) Kết quả học tập (theo quy định): Tỷ lệ xếp loại tốt, loại khá, đạt, chưa đạt.

b) Kết quả xếp loại rèn luyện (theo quy định): Tỷ lệ xếp loại tốt, loại khá, đạt, chưa đạt.

c) Tỷ lệ học sinh lên lớp hàng năm, bỏ học, lưu ban.

d) Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THCS

e) Kết quả kỳ thi học sinh giỏi các cấp, các hội thi, các sân chơi trí tuệ,...

g) Kết quả thi tốt nghiệp THPT (điểm trung bình) từng môn học và trung bình chung các môn.

5.3. Kế hoạch đảm bảo lợi ích của xã hội.

a) Khảo sát mức độ hài lòng của cha mẹ học sinh về quá trình dạy học của giáo viên nhà trường như sau:

Trong các kì họp phụ huynh toàn trường, Tổ ĐBCL nhà trường thực hiện phiếu kín khảo sát mức độ hài lòng của cha mẹ học sinh về quá trình dạy học của giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn theo ba mức: Chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao. Đây là kênh tham khảo quan trọng cho Tổ ĐBCL để phát huy mặt tốt cũng như hạn chế mặt yếu, điều chỉnh cải tiến kịp thời trong thời gian tới.

b) Khảo sát mức độ hài lòng của giáo viên tiếp nhận học sinh tiếp tục học lên ở lớp sau, đó là:

Vào đầu năm học, Tổ ĐBCL thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn về chất lượng học sinh của lớp theo ba mức độ: Chưa hài lòng; hài lòng; hài lòng cao, hướng tới văn hóa chất lượng nhà trường và cũng là kênh tham khảo để đánh giá chất lượng giáo viên năm học trước.

c) Nhà trường chú trọng trong các tiết học vận dụng kiến thức vào cuộc sống, các hoạt động trải nghiệm, trải nghiệm sáng tạo, hoạt động hướng nghiệp, lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm,... để học sinh sớm hình thành các năng lực: Giao tiếp và hợp tác; tự học và tự chủ; giải quyết vấn đề và sáng tạo.

5.4. Kế hoạch tư vấn hướng nghiệp và hỗ trợ cho học sinh.

a) Nhà trường tư vấn cho người học thi vào các cấp học chuyên tiếp hoặc tham gia vào lao động sản xuất, thông qua: Hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần,...

b) Nhà trường tuyên truyền, thông báo tới học sinh về thông tin tuyển sinh của các trường chuyên Phan Bội Châu, Chuyên Toán Đại Học Vinh, THPT Ngô Trí Hòa, Trung tâm GDNN-GDTX huyện Diễn Châu,... thông qua: giờ Chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, phát tờ rơi thông tin tuyển sinh,...

c) Nhà trường phối hợp với ban tư vấn hướng nghiệp, phối hợp phụ huynh học sinh, các ban ngành phân luồng cho học sinh sau khi Tốt nghiệp THCS.

6. Kinh phí thực hiện

Tổ ĐBCL lập dự toán kinh phí trình Hiệu trưởng phê duyệt để thực hiện hiệu quả kế hoạch ĐBCL nhà trường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Tổ đảm bảo chất lượng:

+ Hướng dẫn, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, vận hành hệ thống ĐBCL; các nội dung công việc và trình tự thực hiện; tiến độ và thời hạn thực hiện; các sản phẩm và kết quả dự kiến; kinh phí để thực hiện kế hoạch; kiểm tra, giám sát, đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng; tổ chức thực hiện cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện.

+ Rà soát, đánh giá thực trạng nhà trường và các điều kiện ĐBCL của nhà trường.

+ Tổ chức tập huấn về phương pháp và quy trình xây dựng hệ thống ĐBCL cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

+ Tham mưu cho hiệu trưởng công tác tự đánh giá nhà trường về kiểm định chất lượng giáo dục và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia.

2. Lãnh đạo nhà trường: Thành lập Tổ ĐBCL giáo dục của nhà trường với các nội dung sau:

+ Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Tổ ĐBCL có 12 thành viên (Tổ trưởng là Hiệu trưởng; Tổ phó là Phó Hiệu trưởng; Thư ký là Tổ trưởng tổ chuyên môn hoặc giáo viên có năng lực của nhà trường; các thành viên khác là tổ trưởng tổ chuyên môn, văn phòng, đại diện cấp ủy đảng và các tổ chức đoàn thể).

+ Phê duyệt, ban hành Kế hoạch ĐBCL

3. Các tổ chức, đoàn thể: Phối hợp tổ chức thực hiện các phong trào thi đua để thực hiện kế hoạch.

4. Giáo viên, nhân viên: Thực hiện kế hoạch ĐBCL đã được ban hành, chịu trách nhiệm trước tổ trưởng tổ ĐBCL của nhà trường về nội dung mà mình đã cam kết.

Minh Châu, ngày 06 tháng 10 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Phan Xuân Dẫn